|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ BẮC NINH  **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**  Số: 7137/YCBG-BVT  V/v đăng tải thông tin yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024 – 2025 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2024* |

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Gói thầu Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024 – 2025**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 7089/QĐ-BVT ngày 02/12/2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu: Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024-2025;

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024 – 2025 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh*.*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư.

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

*- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.*

*- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ:* [*bvdkbacninh@gmail.com*](mailto:bvdkbacninh@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 12 năm 2024 đến trước 10h00 ngày 16 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày*,* kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1*.* Danh mục thiết bị y tế/ yêu cầu chi tiết Bảng sau: Theo Phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho Phòng Vật tư, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt theo yêu cầu hàng tháng của Bệnh viện

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh (Giao hàng trong giờ hành chính)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)…. Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

**Lưu ý:** Đề nghị nhà thầu chào rõ tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như kính gửi;  - Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);  - Cổng thông tin điện từ SYT (đăng tải);  - Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);  - Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);  - Lưu VT, TCKT. | **GIÁM ĐỐC**  **Hạ Bá Chân** |

**Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật**

**Gói thầu Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024 – 2025**

*(Kèm theo yêu cầu báo giá số 7137/YCBG-BVT ngày 04/12/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 | Bình chứa huyết khối | - Chất liệu: Nhựa.  - Dung tích: 1000ml (±10%).  - Có nắp tháo rời, bộ lọc ngăn chất bẩn.  - Dùng để kết nối với máy hút huyết khối. | Cái | 5 |
| 2 | Bộ mở đường vào động mạch đùi | Bộ mở đường vào động mạch đùi bao gồm:  - Vỏ bọc (sheath):  + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5F đến 10F.  - Nong (dilator).  - Kim chọc mạch cỡ 18G.  - Dây dẫn đường cỡ 0.035" hoặc 0.038".  - Bơm tiêm.  - Van cầm máu.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Bộ | 300 |
| 3 | Bộ mở đường vào động mạch quay | Bộ mở đường vào động mạch quay bao gồm:  - Vỏ bọc (sheath):  + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 đường kính ≤ 6F.  - Kim chọc mạch cỡ 20G.  - Dây dẫn đường cỡ 0.025" hoặc 0.025".  - Bơm tiêm.  - Dao rạch da.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Bộ | 50 |
| 4 | Bơm áp lực cao cho bóng nong | - Sử dụng với bóng nong để bơm áp lực.  - Áp lực tối đa: ≥ 30atm.  - Có cơ chế khóa để duy trì áp lực.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 50 |
| 5 | Bơm tiêm dùng một lần có đầu xoáy | - Chất liệu: Polycarbonate.  - Có các dung tích theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 3ml đến 20ml.  - Thiết kế có đầu xoáy.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 200 |
| 6 | Bơm tiêm thuốc cản quang | - Chất liệu: Polycarbonate.  - Có các dung tích theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 1ml đến 3ml.  - Thiết kế có đầu xoáy.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 200 |
| 7 | Bóng nong động mạch ngoại vi chạy trên dây dẫn 0.018" | - Chất liệu bóng: Pebax hoặc Nylon hoặc Polymer hoặc Polyamide.  - Sử dụng với dây dẫn đường 0.018".  - Tương thích với hệ thống mở đường vào mạch máu 4F, 5F.  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 90cm đến 150cm.  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 200mm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu 01 trong khoảng từ 2.0mm đến 6.0mm.  - Áp lực định danh: 8atm (± 10%).  - Áp lực tối đa: ≥ 14atm.  - Có điểm đánh dấu cản quang.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 60 |
| 8 | Bóng nong động mạch ngoại vi chạy trên dây dẫn 0.035" | - Chất liệu bóng: Pebax hoặc Nylon hoặc Polymer hoặc Polyamide.  - Sử dụng với dây dẫn đường 0.035".  - Tương thích với hệ thống mở đường vào mạch máu 5F đến 7F.  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 250mm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 3mm đến 14mm.  - Có điểm đánh dấu cản quang.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 60 |
| 9 | Bóng nong động mạch ngoại vi trên dây dẫn 0.014" | - Chất liệu bóng: Pebax hoặc Nylon hoặc Polymer hoặc Polyamide.  - Tương thích với dụng cụ mở đường 4F hoặc 5F.  - Sử dụng với dây dẫn 0.014".  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 200mm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2mm đến 4mm.  - Áp lực tối đa: ≥ 13atm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 40 |
| 10 | Bóng nong đường niệu quản, đường mật các cỡ | - Chất liệu bóng: Pebax hoặc Nylon hoặc Polymer hoặc Polyamide.  - Đường kính ngoài của bóng: 5mm (± 20%).  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 4cm đến 10cm.  - Áp lực bóng tối đa: ≥ 15atm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 30 |
| 11 | Bóng nong loại cứng | - Chất liệu bóng: Pebax hoặc Nylon hoặc Polymer hoặc Polyamide.  - Bóng nong loại áp lực cao.  - Áp lực bóng tối đa: ≥ 24atm.  - Có các loại sử dụng với dây dẫn đường 0.018" và 0.035".  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài ≥ 75cm.  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài ≥ 2cm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 đường kính ≥ 4mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 20 |
| 12 | Bóng nong mạch ngoại biên chạy trên dây dẫn 0.035'' | - Bóng nong mạch ngoại biên chạy trên dây dẫn 0.035''có lớp phủ ái nước.  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 200mm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 3mm đến 12mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 13 | Bóng nong mạch ngoại biên, có phủ thuốc Palitaxel | - Bóng nong mạch ngoại biên, có phủ thuốc Palitaxel.  - Có các chiều dài bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiều trong khoảng từ 30mm đến 150mm.  - Có các đường kính bóng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2mm đến 8mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 14 | Buồng tiêm tĩnh mạch dưới da | - Cấu hình 1 bộ bao gồm: buồng tiêm, catheter, dụng cụ mở đường, dây dẫn đường J guidewire, kim chọc dò tĩnh mạch, thanh tạo đường hầm, kim chọc buồng tiêm.  - Chất liệu thân: Titanium.  - Không bị ảnh hưởng khi chụp cộng hưởng từ với từ lực ≥ 3.0 Tesla.  - Chiều dài ống thông ≥ 50cm.  - Có các thể tích buồng tiêm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thể tích tối thiểu ≤ 0.7ml.  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Bộ | 10 |
| 15 | Buồng tiêm truyền cấy dưới da | - Chất liệu thân: Titanium.  - Không bị ảnh hưởng khi chụp cộng hưởng từ với từ lực ≥ 3.0 Tesla.  - Có các chiều dài ống thông theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiều 01 chiều dài ≥ 55cm.  - Có các đường kính ống thông theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6F đến 10F.  - Có các thể tích buồng tiêm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thể tích tối thiểu ≤ 0.7ml.  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Bộ | 10 |
| 16 | Dẫn lưu đường mật qua da | - Dùng để dẫn lưu đường mật qua da hai đầu.  - Chất liệu: Polyurethane, có phủ lớp ái nước.  - Vị trí phần thoát dịch có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 11cm đến 14cm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 8F đến 14F.  - Có các điểm đánh dấu cản quang.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 50 |
| 17 | Dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thận qua da | - Chất liệu: Polyurethanen, phủ lớp ái nước.  - Có các chiều dài làm việc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 40mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5Fr đến 12Fr.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 100 |
| 18 | Dẫn lưu qua da có khóa | - Chất liệu: Polyurethane, có phủ lớp ái nước.  - Có điểm đánh dấu cản quang trên thân ống.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20cm đến 40cm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6F đến 12F.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 150 |
| 19 | Dây bơm thuốc áp lực cao | - Dùng để kết nối bơm thuốc cản quang.  - Chất liệu: Polyurethane.  - Chịu áp lực theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 500 PSI đến 1000 PSI.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 50cm đến 150cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 150 |
| 20 | Dây bơm thuốc áp lực cao loại dài | - Chất liệu: Polyurethane.  - Chịu áp lực tối đa: ≥ 1200 PSI.  - Có một đầu đực, một đầu cái.  - Chiều dài: ≥ 120cm.  - Đường kính nòng: ≥ 1.5mm.  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu | Cái | 100 |
| 21 | Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên loại cứng | - Chất liệu trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE.  - Đường kính: 0.035".  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 75cm đến 260cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 20 |
| 22 | Dây dẫn can thiệp ngoại biên đường kính 0.014" | - Chất liệu: đầu típ bằng Nitinol, thân dây dẫn bằng thép không gỉ.  - Phủ lớp ái nước trên lớp polymer cản quang.  - Cuốn lò xo cản quang ≥ 3cm ở đầu xa.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 190cm đến 300cm.  - Đường kính dây dẫn: 0.014''.  - Tải trọng đầu xa: có các tải trọng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2.6g đến 3.5g.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 23 | Dây dẫn can thiệp ngoại biên đường kính 0.018" | - Chất liệu: đầu típ bằng Nitinol, thân dây dẫn bằng thép không gỉ.  - Phủ lớp ái nước trên lớp polymer cản quang.  - Cuốn lò xo cản quang ≥ 3cm ở đầu xa.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 200cm đến 300cm.  - Đường kính dây dẫn: 0.018''.  - Tải trọng đầu xa 4g (±10%).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 24 | Dây dẫn đường dài 150cm | - Chất liệu lõi: hợp kim Nitinol, lớp ngoài polyurethane cản quang, phủ ái nước.  - Chiều dài: 150 cm (±10%).  - Đường kính: 0.035"  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 300 |
| 25 | Dây dẫn đường dài 260cm | - Chất liệu lõi: hợp kim Nitinol, lớp ngoài polyurethane cản quang, phủ ái nước.  - Chiều dài: 260 cm (±10%).  - Đường kính: 0.035"  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 50 |
| 26 | Dây nối với ống hút huyết khối | - Sử dụng tương thích với các ống thông hút huyết khối.  - Chất liệu: Nhựa.  - Có công tắc đóng, mở.  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 27 | Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa | - Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa.  - Chất liệu: Polypropylene.  - Chỉ định cho lỗ vào động mạch có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5F đến 21F. | Cái | 20 |
| 28 | Dụng cụ đóng mạch máu bằng nút collagen | - Dụng cụ đóng mạch, cầm máu bằng nút collagen.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6F đến 8F. | Cái | 15 |
| 29 | Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch loại lớn | - Chất liệu: Nitinol.  - Có các đường kính làm việc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6mm đến 45mm.  - Chiều dài: 120cm (±10%).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 10 |
| 30 | Dụng cụ nút mạch bằng dù loại 2 cánh | - Chất liệu: Nitinol nhiều cuộn, đa lớp.  - Tương thích ống thông: 6F, 7F, 8F, 9F.  - Có các đường kính dù theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 8mm đến 18mm.  - Có các chiều dài khi không ép theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu 01 chiều dài trong khoảng từ 7mm đến 14mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 5 |
| 31 | Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ | - Chất liệu: Nitinol nhiều cuộn, đa lớp.  - Tương thích ống thông: ≤ 6F.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 11mm đến 14mm.  - Có các đường kính dù theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6mm đến 8mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 5 |
| 32 | Keo sinh học | - Thành phần: N-butyl-2-cyanoacrylate.  - Tác dụng: Chất kết dính mô giúp đông cứng nhanh khi tiếp xúc với dịch tiết mô qua phản ứng polymer hóa. Có thể sử dụng trong cầm máu.  - Quy cách đóng gói: ≥ 0.5ml/Lọ (Tuýp).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Lọ/ Tuýp | 300 |
| 33 | Khung giá đỡ động mạch ngoại biên loại dài | - Tương thích dây dẫn 0.018".  - Cấu tạo: sợi Nitinol.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 40mm đến 200mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 4mm đến 8mm.  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 80cm đến 120cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 34 | Khung giá đỡ động mạch thận, mạch tạng nở trên bóng | Khung giá đỡ động mạch thận, mạch tạng nở trên bóng  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 4mm đến 7mm.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 12mm đến 18mm.  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 80cm đến 135cm.  - Tương thích bộ mở đường vào mạch máu: 5F.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 10 |
| 35 | Khung giá đỡ đường mật | - Sử dụng trong kỹ thuật can thiệp qua da, có thể loại bỏ sau thời gian lưu trong đường mật.  - Chất liệu Nitinol, có màng phủ.  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 60mm đến 120mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 8mm đến 10mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 15 |
| 36 | Khung giá đỡ ngoại biên nở trên bóng | - Chất liệu: Cobalt chromium (CoCr).  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 60mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 4mm đến 10mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 30 |
| 37 | Khung giá đỡ ngoại vi tự nở | - Chất liệu: Nitinol.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 120mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5mm đến 14mm.  - Chiều dài hệ thống: 120cm (±10%).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 10 |
| 38 | Khung giá đỡ ngoại vi tự nở phủ thuốc | - Khung giá đỡ mạch ngoại vi tự nở.  - Chất liệu nitinol.  - Có phủ thuốc: Paclitaxel.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 đường kính ≥ 6mm.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 40mm đến 150mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 10 |
| 39 | Khung giá đỡ nhớ hình mạch máu, đường mật | - Chất liệu: Nitinol.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 40mm đến 150mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6mm đến 10mm.  - Có các chiều dài hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 75cm đến 120cm.  - Tương thích dây dẫn: 0.035".  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 40 | Khung giá đỡ tĩnh mạch | - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 60mm đến 150mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 12mm đến 14mm.  - Tương thích dây dẫn: 0.035".  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 10 |
| 41 | Khung giá đỡ tự nở ngoại biên | Khung giá đỡ tự nở ngoại biên  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 20mm đến 150mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 5mm đến 10mm.  - Tương thích dây dẫn: 0.035".  - Có điểm đánh dấu cản quang.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 42 | Kim CHIBA | - Chất liệu: Thép không gỉ.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 15cm đến 25cm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 18G đến 22G.  - Dùng để sinh thiết tế bào qua da hoặc thủ thuật qua da.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 100 |
| 43 | Kim chọc tạng | - Chất liệu: Vỏ bọc bằng nhựa, lõi kim bằng sắt.  - Đường kính vỏ: ≤ 5F.  - Dùng để tạo đường đặt dây dẫn đường kính 0.035" - 0.038". | Cái | 200 |
| 44 | Kim sinh thiết lấy mẫu mô | - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 100mm đến 200mm.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 14G đến 20G.  - Có đánh dấu thước đo trên kim nhằm kiểm soát độ sâu của kim.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 50 |
| 45 | Kim sinh thiết mô mềm | Kim sinh thiết mô mềm, bao gồm:  - Kim sinh thiết bán tự động:  + Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 100mm đến 200mm.  + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 14G đến 20G.  - Máng lấy mẫu tùy chỉnh 1cm hoặc 2cm, có khóa chốt an toàn.  - Kim dẫn đường.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 80 |
| 46 | Kim sinh thiết mô mềm tự động | Kim sinh thiết mô mềm tự động, bao gồm:  - Kim sinh thiết tự động:  + Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối chiểu trong khoảng từ 100mm đến 150mm.  + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 14G đến 18G.  - Độ sâu thâm nhập ≥ 15mm, có khóa chốt an toàn.  - Kim dẫn đường.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 50 |
| 47 | Kim sinh thiết tủy xương các cỡ | Kim sinh thiết tủy xương các cỡ, bao gồm:  - Kim sinh thiết có tay cầm hình chữ T:  + Chất liệu: kim loại.  + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 8G đến 13G.  + Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 65mm đến 150mm.  + Kim được đánh dấu độ sâu thâm nhập.  - Cây đo mẫu bệnh phẩm đồng bộ.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 48 | Ống hút huyết khối ngoại biên loại lớn | - Đường kính ngoài đầu gần: 8F.  - Đường kính ngoài đầu xa: 8F.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 85cm đến 115cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 15 |
| 49 | Ống thông can thiệp qua đường mạch quay có phủ lớp ái nước | - Sử dụng để can thiệp động mạch tạng, mạch chậu qua đường động mạch quay.  - Chất liệu: lớp trong nylon, lớp ngoài phía đầu xa phủ lớp ái nước.  - Có lớp bện tăng cường giúp kiểm soát chuyển động xoay.  - Đường kính: 4F.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 125cm đến 150cm.  - Tương thích dây dẫn: 0.038''.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 50 | Ống thông chẩn đoán đầu cong dạng đuôi lợn | - Chất liệu: Nylon.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 90cm đến 130cm.  - Đường kính: 0.050" (±10%).  - Tương thích dây dẫn: 0.035".  - Hình dạng đầu ống thông: dạng đuôi lợn.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 51 | Ống thông chụp mạch ái nước | - Cấu tạo:  + Lớp trong phủ polymer ái nước, giàu nylon.  + Lớp bện kép.  + Lớp ngoài phủ polyurethane.  - Đường kính lòng ống: 1.0mm (±10%).  - Đường kính ngoài: 5F.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng tư 70cm đến 100cm  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 100 |
| 52 | Ống thông chụp mạch gan loại ái nước | - Sử dụng cho tiếp cận động mạch thân tạng.  - Cấu tạo:  + Lớp trong phủ polymer ái nước, giàu nylon.  + Lớp bện kép bằng thép không gỉ.  + Lớp ngoài phủ polyurethane.  - Đường kính lòng ống: 1.1mm (±10%).  - Đường kính ngoài: 5F.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 70cm đến 100cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 100 |
| 53 | Ống thông chụp mạch não và mạch ngoại biên | Cấu tạo: 3 lớp, đồng trục.  + Lớp trong và ngoài phủ polymer giàu nylon.  + Lớp bện kép bằng thép không gỉ.  + Lớp ngoài phủ polyurethane.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 80 đến 100cm.  - Đường kính ngoài: 5F.  - Đường kính lòng ống: 1.2mm (±10%).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 100 |
| 54 | Ống thông chụp mạch ngoại biên | Chất liệu: Nylon.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 60cm đến 130cm.  - Đường kính ngoài: 4F, 5F.  - Tương thích dây dẫn: 0.038”.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 200 |
| 55 | Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên | Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 40cm đến 90cm.  - Tương thích dây dẫn: 0.035".  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 56 | Vật liệu nút mạch dạng hạt vi cầu tải thuốc, kích thước từ 45µm - 100µm | - Chất liệu: Hydrogel, phủ polymer.  - Đường kính hạt đồng nhất, có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 45µm đến 100µm.  - Khả năng tải thuốc: Irinotecan, Doxorubicin.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Ống/ Lọ | 25 |
| 57 | Vật liệu nút mạch gan dạng hạt vi cầu tải thuốc, kích thước từ 100 - 500µm. | - Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan.  - Chất liệu: Polyvinyl, được nhuộm màu để tăng khả năng quan sát.  - Khả năng tải thuốc: Irinotecan, Doxorubicin.  - Đường kính hạt không đồng nhất: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tối thiểu có các dải đường kính: 70- 150µm, 100-300µm, 300-500µm.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Ống/ Lọ | 30 |
| 58 | Vật liệu nút mạch hạt nhựa không tải thuốc | - Chất liệu: hydrogel, phủ polymer, không hòa tan trong dung môi.  - Đường kính hạt đồng nhất, có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 75µm đến 900µm.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Ống/ Lọ | 20 |
| 59 | Vật liệu nút mạch hạt vi cầu không tải hóa chất, kích cỡ hạt từ 40 - 1200µm | - Chất liệu: Acrylic polymer + gelatin.  - Đường kính hạt không đồng nhất: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu có các dải đường kính: 40-120µm, 100-300µm, 300-500µm, 500-700µm, 700-900µm, 900-1200µm.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Ống/ Lọ | 30 |
| 60 | Vật liệu nút mạch hạt vi cầu mềm, tải thuốc | - Chất liệu: Polyethylene Glycol, có tính đàn hồi.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 100µm đến 400µm.  - Khả năng tải thuốc: Irinotecan, Doxorubicin.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Ống/ Lọ | 20 |
| 61 | Vật liệu nút mạch hạt vi cầu tải thuốc, kích cỡ hạt khô từ 20 - 200µm | - Chất liệu: Poly vinyl alcohol.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu có các dải đường kính: 20-40µm, 30-60µm, 50-100µm, 100-150µm, 150-200µm.  - Có khả năng giãn nở ≥ 4 lần khi tiếp xúc với dung dịch hoặc hóa chất.  - Quy cách đóng gói: ≥ 20mg/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Ống/ Lọ | 25 |
| 62 | Vật liệu nút mạch tạm thời | - Gây tắc mạch tạm thời.  - Chất liệu: Gelatin.  - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 50µm đến 400µm.  - Quy cách đóng gói: ≥ 2ml/Ống (Lọ).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Ống/ Lọ | 20 |
| 63 | Vi dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên đường kính 0.014", phủ lớp ái nước | - Chất liệu: lõi Scitanium, phủ polymer ái nước.  - Đường kính: 0.014".  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 180cm đến 300cm.  - Chiều dài đoạn thuôn nhỏ: 8cm (±10%), 11cm (±10%).  - Đầu típ cản quang: dài 2cm (±10%), tải trọng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 3g đến 6g.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 30 |
| 64 | Vi dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên đường kính 0.018", phủ lớp ái nước | - Chất liệu: lõi Scitanium, phủ polymer ái nước.  - Đường kính: 0.018".  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 110cm đến 300cm.  - Chiều dài đoạn thuôn nhỏ: 8cm (±10%), 12cm (±10%).  - Đầu típ cản quang: dài 2cm (±10%), tải trọng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6g đến 8g.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 30 |
| 65 | Vi dây dẫn đường có phủ lớp ái nước, đường kính 0.014" | - Chất liệu: lõi bằng Scitanium, đầu bằng tungsten, phủ lớp ái nước.  - Đường kính: 0.014"  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 135cm đến 190cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 40 |
| 66 | Vi dây dẫn đường kính 0.014" | - Đường kính: 0.014".  - Phủ lớp ái nước, chiều dài phần dây dẫn phủ lớp ái nước ≥ 160cm.  - Đầu tip hiển thị: 3cm (±10%).  - Chiều dài: 200cm (±10%).  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 40 |
| 67 | Vi dây dẫn đường kính 0.016" | - Đường kính: 0.016"  - Phủ lớp ái nước, chiều dài phần dây dẫn phủ lớp ái nước ≥ 160cm.  - Đầu típ hiển thị: 5cm (±10%).  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 165cm đến 180cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 40 |
| 68 | Vi ống thông can thiệp 1.7F | - Có lớp phủ ái nước.  - Thân ống có lớp bện tăng cường với độ dày khác nhau chống xoắn, chống dãn.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 105cm đến 150cm.  - Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F (±10%).  - Đường kính ngoài đầu gần: 2.6F (±10%).  - Tương thích dây dẫn: 0.016".  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 69 | Vi ống thông can thiệp 1.9F | - Lớp trong PTFE, lớp ngoài phủ ái nước.  - Thân ống có lớp bện tăng cường bằng các sợi không đối xứng.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 110cm đến 150cm.  - Đường kính ngoài đầu gần: 2.8F (±10%).  - Đường kính ngoài đầu xa: 1.9F (±10%).  - Chịu áp lực: ≥ 900 PSI.  - Có các loại đầu thẳng, cong, cong 3 góc.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 70 | Vi ống thông can thiệp 2.0F | - Cấu trúc gồm 3 lớp:  + Lớp trong: phủ lớp PTFE.  + Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu đánh dấu cản quang.  + Lớp ngoài: phủ lớp ái nước.  - Đường kính ngoài đồng trục: 2.0F (±10%).  - Đầu thẳng, có thể tạo hình được.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 110cm đến 150cm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 40 |
| 71 | Vi ống thông can thiệp 2.7F loại đồng trục | - Cấu trúc 3 lớp:  + Lớp trong: phủ lớp PTFE.  + Lớp giữa: lớp cuộn chất liệu đánh dấu cản quang.  + Lớp ngoài: phủ lớp ái nước.  - Đường kính ngoài đồng trục: 2.7F (±10%).  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 110cm đến 130cm.  - Vi ống thông có dây dẫn đồng trục đi kèm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 72 | Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch | - Chất liệu: Sợi Nylon, phủ lớp ái nước đầu xa dài: ≥ 80cm.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 130cm đến 150cm.  - Đường kính ngoài đầu xa: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2.1 F đến 2.4F.  - Hình dạng đầu xa: có các dạng đầu thẳng, cong và cổ thiên nga.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 30 |
| 73 | Vi ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên | - Vi ống thông hỗ trợ trong can thiệp mạch ngoại vi hẹp tắc, đầu xa phủ lớp ái nước.  - Có điểm đánh dấu cản quang.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trong đó có tối thiểu 01 chiều dài ≥ 135cm.  - Tương thích dây dẫn: 0.018", 0.022", 0.037".  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).  - Xuất xứ: Việt Nam hoặc các nước G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật Bản) hoặc các nước Châu Âu. | Cái | 20 |
| 74 | Vòng xoắn kim loại gây tắc mạch có thể thu lại | - Chất liệu: Platinum có lớp sợi tổng hợp bao phủ.  - Đường kính sợi: 0.018" (±10%), 0.035" (±10%).  - Có khóa kết nối với dây dẫn giúp thu hồi vòng xoắn khi chưa mở khóa.  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 12cm đến 60cm.  - Đường kính vòng xoắn: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2mm đến 22mm.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 40 |
| 75 | Vòng xoắn kim loại, cắt cơ học | - Chất liệu: Platinum.  - Đường kính sợi: 0.01" (±20%).  - Có các chiều dài theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 6cm đến 30cm.  - Đường kính vòng xoắn: có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tối thiểu trong khoảng từ 2mm đến 12mm.  - Cắt bằng cơ học.  - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản). | Cái | 30 |

**Mẫu báo giá**

**Gói thầu Mua sắm vật tư điện quang can thiệp năm 2024 – 2025**

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá],* chúng *tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **STT theo yêu cầu báo giá** | **Danh mục hàng hóa** | **Ký, mã, nhãn hiệu, model** | **Hãng sản xuất** | **Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật** | **Mã HS** | **Nước sản xuất** | **Số lượng/ khối lượng** | **Quy cách** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá(VND)** | **Thành tiền**  **(VND)** |
| 1 |  | Hàng hoá A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Hàng hoá B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, hợp đồng tương tự, tài liệu chứng minh tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa hoặc các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có)*

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)….và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 16/12/2024.

4. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

*…., ngày.... tháng....năm....*

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))